

Số: **1682**/QĐ- BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **27** tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ - CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ - CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ - CP, ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tổng công ty 91, Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng Bộ tại Thông báo số 3776/TB - BNN - TCCB ngày 25/7/2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2010 cho 318 cá nhân (có danh sách kèm theo).

Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác từ năm 2008 đến năm 2010

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ - BNN - TC, ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tổng công ty 91, Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.



Cao Đức Phát

DANH SÁCH CHIẾN SĨ THI ĐUA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2010
(Kiểm theo Quyết định số **1682/QĐ-BNN-TCCB**
ngày **27** tháng **7** năm **2011** của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG DỰ ÁN THUỶ LỢI

1. Ông Nguyễn Văn Tinh, Trưởng ban;
2. Ông Phạm Đình Văn, Phó Trưởng ban;
3. Ông Nguyễn Hồng Phương, Phó Trưởng ban;
4. Ông Vũ Đình Hùng, Phó Trưởng ban. / VNH

Số: **3155/QĐ-BNN-TCCB**

Hà Nội, ngày **23** tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng thưởng Cờ thi đua năm 2011

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng công ty 91, Thủ trưởng đơn vị, cơ quan trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội, Hiệp hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 132 tập thể (có danh sách kèm theo)

*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác và sản xuất kinh doanh
dẫn đầu phong trào thi đua năm 2011.*

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua của Bộ thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC, ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng Giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng công ty 91, Thủ trưởng đơn vị, cơ quan trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Hội, Hiệp hội và các tập thể có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

32. Bệnh viện Nông nghiệp;
33. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2;
34. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6;
35. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9;
36. Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi;
37. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
38. Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
39. Viện Cây ăn quả Miền Nam thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
40. Viện Lúa đồng Bằng Sông Cửu Long thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
41. Viện Khoa học nông, lâm nghiệp miền núi phía Bắc thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
42. Viện Khoa học Nông lâm nghiệp Tây Nguyên thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;
43. Viện Bơm và Thiết bị Thủy lợi thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
44. Phòng Thí nghiệm trọng điểm quốc gia về động lực học sông biển thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
45. Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam;
46. Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc;
47. Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH 1TV;
48. Tổng Công ty Mía đường I - Công ty TNHH 1TV;
49. Tổng Công ty Mía đường II - Công ty TNHH 1TV;
50. Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
51. Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP;
52. Công ty TNHH 1TV Cà phê 49 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
53. Công ty TNHH 1TV Cà phê 52 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;;
54. Công ty TNHH 1TV cà phê Ea Tiêu thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;;
55. Công ty TNHH 1TV Cà phê 731 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;;
56. Công ty TNHH 1TV cà phê 721 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;;
57. Công ty Cổ phần Mía đường 333 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;;
58. Công ty Cổ phần cơ khí VINA Nha Trang thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
59. Công ty Kinh doanh tổng hợp Vinacafe Qui Nhơn thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
60. Chi nhánh Vinacafe Đắk Lắk thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
61. Công ty Cà phê 719 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
62. Công ty Cà phê Ia Sao 1 thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;



**DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ
ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG CỜ THI ĐUA CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo Quyết định số **3155** QĐ-BNN-TCCB
ngày **23** tháng 12 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lào Cai;
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ;
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điện Biên;
4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Yên Bái;
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Dương;
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Phúc;
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội;
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình;
9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hoá;
10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khánh Hoà;
11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam;
12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận;
13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh;
14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Dương;
15. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bà Rịa - Vũng Tàu;
16. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Long An;
17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bạc Liêu;
18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre;
19. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang;
20. Vụ Tổ chức cán bộ;
21. Vụ Pháp chế;
22. Vụ Tài chính;
23. Thanh tra Bộ;
24. Cục Quản lý xây dựng công trình;
25. Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và Thủy sản;
26. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn;
27. Cục Trồng trọt;
28. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam thuộc Tổng cục Thủy lợi;
29. Viện Quy hoạch Thủy lợi thuộc Tổng cục Thủy lợi;
30. Cục Kiểm lâm thuộc Tổng cục Lâm nghiệp;
31. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia;

63. Công ty Cà phê Đắk Uy thuộc Tổng công ty Cà phê Việt Nam;
64. Công ty Lương thực Long An thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
65. Công ty Lương thực Đông Tháp thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
66. Công ty Lương thực Sông Hậu thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
67. Công ty Cổ phần lương thực Bình Định thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
68. Công ty Lương thực Bạc Liêu thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
69. Công ty TNHH 1TV lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
70. Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safaco thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
71. Công ty Bột mì Bình Đông thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
72. Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
73. Công ty Cổ phần Tô Châu thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Nam;
74. Công ty Cổ phần Lương thực Tuyên Quang thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
75. Công ty bột mì Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
76. Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
77. Công ty Cổ phần Vinafood 1 Hải Dương thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
78. Công ty Cổ phần lương thực Hà Nam thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
79. Công ty Cổ phần kinh doanh bao bì Lương thực thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
80. Chi nhánh Tân Dương thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
81. Chi nhánh Cái Sắn, An Giang thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
82. Chi nhánh Muối Vĩnh Ngọc thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc;
83. Công ty Lâm nghiệp Hà Tĩnh thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH 1TV;
84. Công ty Lâm sản Giáp Bát thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH 1TV;
85. Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH 1TV;
86. Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu thuộc Tổng công ty Mía đường I - Công ty TNHH 1TV;
87. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương thuộc Tổng công ty Mía đường I - Công ty TNHH 1TV;



88. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hoà thuộc Tổng công ty Mía đường II - Công ty TNHH 1TV;
89. Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hoà thuộc Tổng công ty Mía đường II - Công ty TNHH 1TV;
90. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam;
91. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam;
92. Công ty Cổ phần cơ khí đóng tàu Thủy sản Việt Nam thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam;
93. Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long thuộc Tổng công ty Thủy sản Việt Nam;
94. Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ thuộc Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam;
95. Công ty Liên doanh TNHH CROWN Hà Nội thuộc Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
96. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau quả thuộc Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
97. Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu thuộc Tổng công ty Rau quả Nông sản - Công ty TNHH 1TV;
98. Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam thuộc Tổng công ty Cơ điện xây dựng và Nông nghiệp - Công ty TNHH 1TV;
99. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Ngũ cốc;
100. Công ty TNHH một thành viên Thuốc Thú y Trung ương;
101. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi 2;
102. Công ty Cổ phần xây dựng 47;
103. Công ty TNHH 1TV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
104. Công ty TNHH 1TV Cao su Phú Riêng thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
105. Công ty TNHH 1TV Cao su Dầu Tiếng thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
106. Công ty TNHH 1TV Cao su Bình Long thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
107. Công ty TNHH 1TV Cao su Chư Păh thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
108. Công ty TNHH 1TV Cao su EaH'Leo thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
109. Công ty TNHH 1TV Cao su Krông Búk thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;



110. Công ty TNHH 1TV Cao su Quảng Nam thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
111. Công ty TNHH 1TV Cao su Bình Thuận thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
112. Công ty TNHH 1TV Cao su Chư Sê thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
113. Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
114. Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
115. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
116. Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
117. Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
118. Tạp chí Cao su Việt Nam thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
119. Trung tâm Y tế Cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
120. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa - Kampongthom thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
121. Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê - Kampongthom thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
122. Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampongthom thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
123. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai Kraite thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
124. Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
125. Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
126. Công ty Cổ phần Cao su Mang Yang - Ratana Kiri thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
127. Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;
128. Hiệp hội Cà phê - Ca Cao Việt Nam;
129. Hiệp hội Lương thực Việt Nam;
130. Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam;
131. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam;
132. Hội Đập lớn và phát triển nguồn nước Việt Nam./.

**CÔNG ĐOÀN NN - PTNT VN
CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN BỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/QĐ-CĐB

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v Khen thưởng Công đoàn năm 2011

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN BỘ NÔNG NGHIỆP - PTNT

Căn cứ Luật thi đua khen thưởng; Quy chế khen thưởng của tổ chức Công đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 777/QĐ-TLĐ ngày 26/5/2004 và Hướng dẫn số 213/HD – CDN của Công đoàn Nông nghiệp PTNT Việt Nam hướng dẫn thực hiện thẩm quyền quyết định khen thưởng và mức tiền thưởng áp dụng trong tổ chức Công đoàn,

Xét đề nghị của Ban Thi đua - Tuyên giáo - Công đoàn Cơ quan Bộ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tặng Giấy khen của Ban Chấp hành Công đoàn Cơ quan Bộ cho 32 tập thể và 153 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Công đoàn năm 2011.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2: Tiền thưởng kèm theo Giấy khen thực hiện theo Hướng dẫn số 213/HD – CDN ngày 11/07/2011 của Công đoàn Nông nghiệp PTNT Việt Nam.

Điều 3: Văn phòng, các Ban Công đoàn Cơ quan Bộ, các tập thể và cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CĐ Ngành (B/c);
- Lưu VP CĐ Bộ.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trường

DANH SÁCH TẬP THỂ & CÁ NHÂN**ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN CÔNG ĐOÀN BỘ NĂM 2011**

(Kèm theo Quyết định số 24 QĐ/ CDB ngày 22 tháng 02 năm 2012)

I. 32 TẬP THỂ

| Stt | Đơn vị | CĐ cấp trên trực tiếp |
|-----|---|--|
| 1. | Công đoàn Trung tâm Tin học và Thống kê | Công đoàn cơ quan Bộ Nông nghiệp & PTNT |
| 2. | Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi | Công đoàn cơ quan Bộ Nông nghiệp & PTNT |
| 3. | Tổ công đoàn Tổ chức – Hành chính | Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi |
| 4. | Tổ công đoàn phòng Tài chính | Cục Bảo vệ thực vật |
| 5. | Công đoàn Vụ Tổ chức cán bộ | Công đoàn Cơ quan Bộ Nông nghiệp & PTNT |
| 6. | Công đoàn Vụ Tài chính | Công đoàn Cơ quan Bộ Nông nghiệp & PTNT |
| 7. | Công đoàn Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp | Công đoàn Cơ quan Bộ Nông nghiệp & PTNT |
| 8. | Tổ Công đoàn dự án KfW3 pha 3 | Công đoàn Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp |
| 9. | Tổ Công đoàn dự án WB3 | Công đoàn Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp |
| 10. | Công Đoàn Kiểm Lâm vùng II | Tổng cục Lâm nghiệp |
| 11. | Công đoàn Văn phòng | Tổng cục Lâm nghiệp |
| 12. | Công đoàn Vụ Phát triển rừng | Tổng cục Lâm nghiệp |
| 13. | Công Đoàn Vụ Kế hoạch | Tổng cục Lâm nghiệp |
| 14. | Công Đoàn Vụ Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế | Công Đoàn Tổng cục Thủy lợi |
| 15. | Công Đoàn Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai | Công Đoàn Tổng cục Thủy lợi |
| 16. | Công Đoàn Vụ Quản lý Xây dựng cơ bản | Công Đoàn Tổng cục Thủy lợi |
| 17. | Công Đoàn Thanh tra | Công Đoàn Tổng cục Thủy lợi |
| 18. | Tổ Công Đoàn phòng Quản trị | Công Đoàn Văn phòng Bộ |
| 19. | Tổ Công Đoàn phòng Tổng hợp | Công Đoàn Văn phòng Bộ |
| 20. | Tổ Công Đoàn phòng Kế toán | Công Đoàn Văn phòng Bộ |
| 21. | Công đoàn Trung tâm y tế lao động | Công đoàn cơ quan Bộ Nông nghiệp PTNT |

| | | | |
|-----|---------------------------|------------------------------------|---|
| 118 | Vũ Thị Phương Lan | Đoàn viên Công đoàn | Cơ quan Công đoàn Bộ |
| 119 | Nguyễn Trương Hải Ngọc | Đoàn viên Công đoàn | Đoàn Thanh niên Bộ |
| 120 | Chu Thị Thu Thủy | Đoàn viên Công đoàn | Cơ quan Công đoàn Bộ |
| 121 | Trần Thị Bưởi | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 122 | Chu Duy Hạnh | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 123 | Nguyễn Văn Hòa | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 124 | Nguyễn Thị Hoa Hồng | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 125 | Trần Thanh Dương | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 126 | Lê Tuấn Anh | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 127 | Phạm Thị Thanh Hải | Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 128 | Dương Long Trì | Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 129 | Vũ Tuấn Cường | Chủ tịch Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 130 | Đào Hồng Đức | Chủ tịch Công đoàn | Tổng cục Thủy sản |
| 131 | Nguyễn Văn Trung | Chi cục trưởng | Chi Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Tổng cục Thủy sản |
| 132 | Đặng Thế Minh | Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 133 | Vũ Đình Hùng | Phó trưởng Ban | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 134 | Phạm Thị Minh Loan | Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 135 | Nguyễn Khải Hoàn | Đoàn viên Công đoàn | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 136 | Hoàng Thị Minh Phương | Đoàn viên Công đoàn | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 137 | Hoàng Hồng Diệp | Đoàn viên Công đoàn | Ban Quản lý TW các dự án Thủy lợi ✓ |
| 138 | Vũ Xuân Thành | Chủ tịch công đoàn | Cục Quản lý đề điều và Phòng chống lụt bão- Công đoàn Tổng cục Thủy lợi |
| 139 | Lê Thị Thanh Hà | Đoàn viên Công đoàn | Tổng cục Thủy lợi |

Số: **1463**/QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **20** tháng **6** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng thưởng Bằng khen

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi tại Tờ trình số 146/TTr-CPO-TCHC ngày 21/02/2012;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 11 tập thể và 29 cá nhân thuộc Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi và Ban Quản lý dự án của các tỉnh có tiểu dự án thủy lợi miền Trung (có danh sách kèm theo)

Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thực hiện

Dự án thủy lợi miền Trung (ADB4), giai đoạn 2006-2012.

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Bộ trưởng thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng
Hoàng Văn Thắng

**DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG BẰNG KHEN CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-BNN-TCCB
ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. TẬP THỂ:

1. Ban Quản lý Trung ương các Dự án thủy lợi;
2. Ban Quản lý dự án thủy lợi Thanh Hoá;
3. Ban Quản lý dự án thủy lợi Bình Định;
4. UBND Huyện Thạch Thành - tỉnh Thanh Hóa (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);
5. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình (Tiểu dự án Thượng Mỹ Trung- Quảng Bình);
6. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn- Quảng Trị);
7. Xí nghiệp thủy nông Nam Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn- Quảng Trị);
8. UBND Huyện Hải Lăng- tỉnh Quảng trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn- Quảng Trị);
9. Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu- Quảng Ngãi);
10. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu- Quảng Ngãi);
11. Phòng Tài Nguyên, Môi trường huyện Đức Phổ (Tiểu dự án Trà Câu- Quảng Ngãi).

II. CÁ NHÂN:

1. Ông Nguyễn Văn Tĩnh, Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi- Giám đốc Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4);
2. Ông Đinh Văn Linh, Phó Trưởng phòng Phòng Thẩm định chế độ, dự toán - Cán bộ Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4);
3. Ông Đặng Thế Lương, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính, kế toán - Cán bộ Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4);
4. Bà Phạm Thị Minh Loan, Trưởng Phòng Tổ chức, hành chính - Cán bộ Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4);
5. Bà Đào Thu Hương, Cán bộ Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4);

6. Ông Phan Trọng Hồ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định;

7. Ông Đặng Tiến Dũng, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án thủy lợi Thanh Hóa (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);

8. Ông Lê Văn Thủy, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV sông Chu (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);

9. Ông Nguyễn Văn Chanh, Trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV sông Chu (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);

10. Ông Vũ Văn Kim, Giám đốc Chi nhánh Thạch Thành, Công ty TNHH MTV sông Chu (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);

11. Ông Bùi Minh Dũng, Phó Trưởng phòng, Phòng Công thương, UBND Huyện Thạch Thành- Thanh Hóa (Tiểu dự án Thạch Thành- Thanh Hóa);

12. Ông Trương Thanh Kiểm, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình (Tiểu dự án Thượng Mỹ Trung- Quảng Bình);

13. Ông Hoàng Kim Đại, Trưởng Ban Quản lý dự án thủy lợi tỉnh Quảng Bình (Tiểu dự án Thượng Mỹ Trung- Quảng Bình);

14. Ông Nguyễn Văn Bình, Kế toán Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình (Tiểu dự án Thượng Mỹ Trung- Quảng Bình);

15. Ông Nguyễn Việt Vương, Cán bộ Ban Quản lý dự án thủy lợi tỉnh Quảng Bình (Tiểu dự án Thượng Mỹ Trung- Quảng Bình);

16. Ông Nguyễn Văn Hiếu, Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng NN & PTNT tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn- Quảng Trị);

17. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Nông nghiệp & PTNT tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn - Quảng Trị);

18. Ông Nguyễn Duy Thông, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn - Quảng Trị);

19. Bà Lê Thị Vinh, Phó chủ tịch UBND Huyện Hải Lăng- tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn - Quảng Trị);

20. Ông Trương Nhất Linh, Cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện Hải Lăng- tỉnh Quảng Trị (Tiểu dự án Nam Thạch Hãn - Quảng Trị);

21. Ông Nguyễn Mậu Văn, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu - Quảng Ngãi);

22. Ông Nguyễn Nhung, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu - Quảng Ngãi);

23. Ông Trần Em, Phó Chủ tịch UBND Huyện Đức Phổ- tỉnh Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu - Quảng Ngãi);

24. Ông Đặng Xuân Cảnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu - Quảng Ngãi);

25. Ông Đào Công Tuấn, Cán bộ Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (Tiểu dự án Trà Câu - Quảng Ngãi);

26. Ông Nguyễn Hữu Vui, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT Bình Định (Tiểu dự án La Tinh- Bình Định);

27. Ông Lê Xuân Sơn, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án thủy lợi Bình Định (Tiểu dự án La Tinh- Bình Định)

28. Ông Phạm Công Văn, Giám đốc Ban Quản lý Dự án thủy lợi Thanh Hoá;

29. Ông Phan Xuân Hải, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, đề điều và Phòng chống lụt bão tỉnh Bình Định./.

Số: 3248 /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012

| | |
|------------------|----------|
| CÔNG VĂN ĐẾN | |
| Số: | |
| Ngày: 10/1/..... | |
| | SAO GỬI: |
| GIÁM ĐỐC | |
| PHÓ GIÁM ĐỐC | |
| C. PHÒNG | TCCB |
| VP DỰ ÁN, CV: | |

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*V. Thủ tục giữ
Cao su trợ C. quan
Có tên ty D. S. P.*

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ - CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty 91;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng Bộ tại Thông báo số 6459/TB-BNN-TCCB ngày 26/12/2012;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 135 cá nhân (có danh sách kèm theo).

Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác giai đoạn 2009 - 2011

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC, ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Tổng giám đốc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty 91 và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

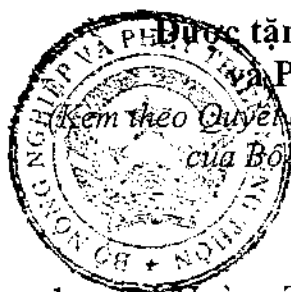
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Đức Phát

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN



Được tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn giai đoạn 2009 - 2011

Kèm theo Quyết định số 3248/QĐ-BNN-TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Bà Hoàng Thị Dung, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.
2. Ông Nguyễn Vũ Hoan, Phó trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Vụ Hợp tác quốc tế.
3. Ông Trần Quốc Tuấn, Phó Chánh văn phòng Bộ.
4. Bà Nguyễn Thị Thùy Chi, Kế toán viên Phòng Kế toán, Văn phòng Bộ.
5. Bà Vũ Thị Lương, Cán sự Phòng Tổng hợp, Vụ Tổ chức cán bộ.
6. Ông Phạm Văn Khang, Chuyên viên Phòng Thi đua Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.
7. Ông Lê Văn Bâm, Quyền Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
8. Ông Nguyễn Tấn Hình, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
9. Ông Trần Phúc Đình, Phó Chánh thanh tra Bộ.
10. Ông Hoàng Đông Ánh, Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ.
11. Ông Nguyễn Văn Trường, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ.
12. Ông Trần Gia Long, Bí thư Ban chấp hành Đoàn thanh niên Bộ.
13. Ông Trang Hiếu Dũng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.
14. Bà Cao Lệ Quyên, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản, Tổng cục Thủy sản.
15. Ông Cao Chí Công, Vụ trưởng Vụ sử dụng rừng, Tổng cục Lâm nghiệp.
16. Ông Nguyễn Quang Dương, Vụ trưởng Vụ Phát triển rừng, Tổng cục Lâm nghiệp.
17. Ông Nguyễn Bá Ngãi, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.
18. Ông Hà Công Tuấn, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
19. Ông Thái Truyền, Phó giám đốc Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam, Tổng cục Lâm nghiệp.
20. Ông Lê Văn Tập, Giám đốc Kiểm lâm vùng I, Cục kiểm Lâm, Tổng cục Lâm nghiệp.
21. Ông Quách Anh Minh, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Tổng cục Lâm nghiệp.
22. Ông Phạm Văn Tuấn, Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm Bàu Sấu, Hạt

kiểm lâm Vườn Quốc gia Cát Tiên, Tổng cục Lâm nghiệp.

23. Ông Nguyễn Cao Tùng, Giám đốc Trung tâm Tư vấn và Thông tin lâm nghiệp, Viện Điều tra Quy hoạch rừng, Tổng cục Lâm nghiệp.

24. Ông Trần Đình Thành, Phó phân viện trưởng Phân Viện Điều tra Quy hoạch rừng Đông Bắc Bộ, Viện Điều tra Quy hoạch rừng, Tổng cục Lâm nghiệp.

25. Ông Trương Công Khanh, Giám đốc Trung tâm, Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam Bộ, Viện Điều tra Quy hoạch rừng, Tổng cục Lâm nghiệp.

26. Ông Nguyễn Xuân Diệu, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi.

27. Ông Đặng Duy Hiền, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý công trình Thủy lợi, Tổng cục Thủy lợi.

28. Bà Lê Thị Thanh Hà, Phó trưởng phòng Phòng Quản lý đê điều, Cục Quản lý Đê điều và Phòng chống lụt bão, Tổng cục Thủy lợi.

29. Ông Nguyễn Hữu Phúc, Giám đốc Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, Tổng cục Thủy lợi.

30. Ông Phan Tiến An, Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thủy lợi.

31. Ông Ngô Hồng Phong, Trưởng phòng Phòng Quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản.

32. Ông Nguyễn Văn Thuận, Trưởng phòng Phòng Quản lý chất lượng thực phẩm Nông lâm sản và muối, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản.

33. Ông Nguyễn Minh Đức, Kỹ sư kiểm nghiệm hóa học, Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 4, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản.

34. Ông Nguyễn Văn Hòa, Phó cục trưởng Cục Trồng trọt.

35. Ông Nguyễn Như Hải, Trưởng phòng Phòng Cây lương thực, cây thực phẩm, Cục Trồng trọt.

36. Ông Mai Thế Tuấn, Phó trạm trưởng Trạm Khảo kiểm giống cây trồng và phân bón Văn Lâm, Trung tâm Khảo nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón quốc gia, Cục Trồng trọt.

37. Ông Nguyễn Quốc Lý, Giám đốc Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Vùng Nam Bộ, Cục Trồng trọt.

38. Ông Trần Duy Tiến, Phó cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình.

39. Ông Phùng Văn Hào, Phó cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình.

40. Ông Lê Nhật Thành, Kiểm dịch viên, Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I, Cục Bảo vệ thực vật.

41. Ông Tăng Minh Lộc, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

42. Ông Lê Văn Sơn, Phó văn phòng Di dân tái định cư Thủy điện Sơn La, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.
43. Bà Bùi Phương Hòa, Giám đốc Trung tâm kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương 1, Cục Thú y.
44. Ông Nguyễn Thanh Sơn, Phó cục trưởng Cục Chăn nuôi.
45. Ông Nguyễn Xuân Dương, Phó cục trưởng Cục Chăn nuôi.
46. Ông Hà Hữu Tùng, Giám đốc Bệnh viện Nông nghiệp.
47. Ông Nguyễn Thành Luân, Phó giám đốc Trung tâm Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
48. Ông Lương Văn Anh, Giám đốc Trung tâm tư vấn và Chuyển giao công nghệ cấp nước và vệ sinh môi trường, Trung tâm Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.
49. Bà Vũ Thị Băng Tâm, Phó giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại Nông nghiệp.
50. Bà Hạ Thúy Hạnh, Phó giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.
- ✓ 51. Ông Phạm Văn Hỷ, Trưởng phòng Phòng Tài chính kế toán, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi.
- ✓ 52. Ông Phạm Hồng Quang, Phó giám đốc dự án WB3, Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi.
53. Ông Trần Văn Lăng, Phó giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 2.
54. Ông Trần Ngọc Quang, Tổ trưởng Tổ giám sát Trần Tuynen, Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5.
55. Ông Nguyễn Hoài Nam, Phó giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5.
56. Ông Nguyễn Danh Quốc, Trưởng phòng Phòng Quản lý thi công, Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9.
57. Ông Trần Trung Hậu, Phó giám đốc Dự án KW4, Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp.
58. Phó giáo sư, Tiến sĩ Vũ Mạnh Hải, Phó giám đốc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
59. Bà Nguyễn Thị Yên Hưng, Chủ tịch Công đoàn Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
60. Ông Hồ Quang Đức, Viện trưởng Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.
61. Ông Đặng Trọng Lượng, Phó Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

62. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Phó Viện trưởng Viện Di truyền Nông nghiệp, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

63. Bà Đào Thị Thanh Bằng, Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật Di truyền, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

64. Ông Nguyễn Quốc Hùng, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

65. Ông Đỗ Đình Ca, Trưởng Bộ môn Kiểm nghiệm chất lượng rau quả, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

66. Ông Lê Quý Kha, Trưởng Bộ môn chọn tạo giống ngô, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

67. Ông Kiều Xuân Đàm, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và sản xuất giống ngô sông Bôi, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

68. Ông Nguyễn Trí Hoàn, Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

69. Ông Dương Xuân Tú, Trưởng Bộ môn Công nghệ sinh học, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

70. Ông Nguyễn Văn Phương, Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả và Cây công nghiệp Phú Quý, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

71. Ông Hoàng Minh Tâm, Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

72. Ông Nguyễn Thanh Phương, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

73. Ông Trần Vinh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

74. Ông Trương La, Trưởng Bộ môn Chăn nuôi và Đồng cỏ, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

75. Bà Trần Thị Cúc Hòa, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

76. Bà Trịnh Thị Lũy, Nghiên cứu viên Phòng Di truyền, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

77. Bà Nguyễn Thị Len, Phó trưởng phòng Quản lý Tổng hợp, Trung tâm Nghiên cứu Dầu tằm tơ Trung ương, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

78. Ông Nguyễn Văn Thiệp, Trưởng Bộ môn Công nghệ sinh học và nhân giống, Viện Khoa học Kỹ thuật nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

79. Ông Đinh Văn Cải, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông

ngành miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

80. Ông Ngô Quang Vinh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

81. Ông Vương Nam Trung, Phòng Nghiên cứu Dinh dưỡng chăn nuôi, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

82. Ông Trần Minh Thái, Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ Thủy lợi thuộc Viện Khoa học thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

83. Ông Phạm Đình Kiên, Trưởng phòng Phòng Môi trường, Viện Nước tưới tiêu và Môi trường, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

84. Ông Trần Bá Hoàng, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

85. Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa, Viện trưởng Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

86. Ông Nguyễn Xuân Hoàng, Phó giám đốc Trung tâm Khoa học sản xuất Lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

87. Ông Trần Văn Con, Trưởng phòng Phòng Nghiên cứu kỹ thuật lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

88. Ông Lê Đức Lưu, Phó giám đốc Trung tâm Quy hoạch và hợp tác Việt - Lào, Viện Quy hoạch và thiết kế Nông nghiệp.

89. Bà Lê Thị Nga, Trưởng phòng Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, Viện Chăn nuôi.

90. Ông Nguyễn Đức Trọng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên, Viện Chăn nuôi.

91. Ông Trần Ngọc Bình, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cao su Chư Prông, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

92. Ông Lê Xuân Hoàng, Công nhân Nông trường Thái Hiệp Thành, Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

93. Ông Nguyễn Đức Tín, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cao su Lộc Ninh, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

94. Ông Nguyễn Văn Bình, Giám đốc Nông trường VII, Công ty TNHH một thành viên Cao su Lộc Ninh, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

95. Ông Lương Hồng Sắc, Giám đốc Nhà máy chế biến Long Hà, Công ty TNHH một thành viên Cao su Phú Riềng, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

96. Ông Nguyễn Quang Vịnh, Giám đốc Nông trường Tân Hưng, Công ty cổ phần Cao su Đồng Phú, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

97. Ông Phan Mạnh Hùng, Bí thư Đảng bộ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Cao su Bình Long, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

98. Ông Tào Mạnh Cường, Phó phòng Quản lý chất lượng, Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

99. Bà Trần Thị Oanh, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

100. Ông Trương Văn Ảnh, Ủy viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam.

101. Ông Nguyễn Thọ Trí, Phó tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam.

102. Ông Trần Quang Hùng, Chuyên viên Phòng Kinh doanh, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

103. Ông Phạm Văn Nam, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Bình Định, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

104. Ông Huỳnh Công Thành, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

105. Ông Trần Xuân Sinh, Phó giám đốc Xí nghiệp Lương thực Cửu Long, Công ty TNHH một thành viên Lương thực thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

106. Ông Võ Quyết Thắng, Giám đốc Công ty Lương thực Long An, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

107. Ông Nguyễn Hữu Phước, Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty Lương thực Long An, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

108. Ông Nguyễn Văn Thanh, Phó trưởng phòng Phòng Đầu tư kỹ thuật, Công ty Lương thực Long An, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

109. Ông Nguyễn Văn Luyến, Nhân viên Kiểm phẩm Phòng Kinh doanh nội địa, Công ty Lương thực Long An, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

110. Ông Nguyễn Văn Sơn, Tổ trưởng Tổ cơ khí, Công ty Nông sản thực phẩm Tiền Giang, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

111. Ông Trần Tấn Đức, Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty Lương thực Đồng Tháp, Tổng công ty Lương thực miền Nam.

112. Ông Trần Bá Hoàn, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

113. Bà Bùi Thị Thanh Tâm, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

114. Ông Trần Đức Quân, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh bao bì Lương thực, Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

115. Ông Phạm Văn Phước, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Nam Định, Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

116. Ông Nguyễn Đức Sơn, Phó Bí thư Đảng ủy, Chánh văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

117. Ông Trần Ngọc Thiên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Lương thực cấp I Lương Yên, Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

118. Ông Vũ Hoàng Tú, Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh lương thực tổng hợp II, Công ty cổ phần Lương thực Thanh Hóa, Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

119. Ông Trần Mạnh Hùng, Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 46, Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.

120. Ông Trần Văn Tuyên, Trưởng ban chỉ huy công trường Đồng Nai 5, Công ty cổ phần Xây dựng 46, Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.

121. Ông Nguyễn Minh Thuật, Trưởng ban chỉ huy công trường Chợ Lách, Công ty cổ phần Xây dựng 46, Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.

122. Ông Nguyễn Mạnh Hà, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Mía đường I - Công ty TNHH một thành viên.

123. Ông Nguyễn Đình Khiêm, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Tổng công ty Mía đường I - Công ty TNHH một thành viên.

124. Bà Phạm Thị Mai Hương, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Tổng công ty Mía đường I - Công ty TNHH một thành viên.

125. Ông Phạm Văn Tế, Công nhân Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

126. Ông Trần Phương Bằng, Công nhân đội 1, Xí nghiệp Chè Tân Phú, Công ty Chè Phú Đa, Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

127. Ông Trần Công Lệ, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chè Hà Tĩnh, Tổng công ty Chè Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

128. Ông Hồ Xuân Tình, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển nông thôn số 2, Tổng công ty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Công ty TNHH một thành viên.

129. Ông Lê Anh Tuấn, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu - cafecontrol.


130. Ông Bùi Hữu Quỳnh, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 2.

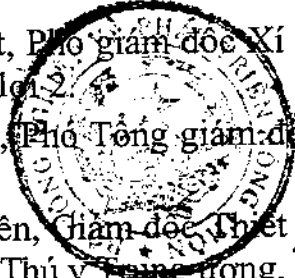
131. Ông Đoàn Võ, Giám đốc Trung tâm Khoa học công nghệ và giám định chất lượng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi 2.

132. Ông Nguyễn Tiên Đạt, Phó giám đốc Xí nghiệp Tư vấn số 1, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Thủy lợi.

133. Ông Trần Xuân Hạnh, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên thuốc Thú y Trung ương.

134. Ông Nguyễn Tăng Kiên, Giám đốc Thiết bị và phục vụ sản xuất, Công ty TNHH một thành viên thuốc Thú y Trung ương.

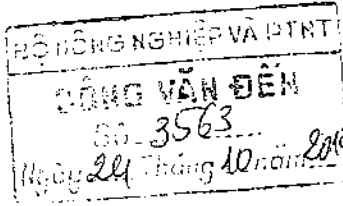
135. Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương. 



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

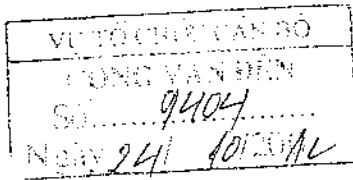
Số: 1573 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3072/TTr-BNN-TCCB ngày 10 tháng 9 năm 2012 và của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 1711/TTr-BTĐKT ngày 15 tháng 10 năm 2012;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 05 tập thể và 08 cá nhân thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Danh sách kèm theo), đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

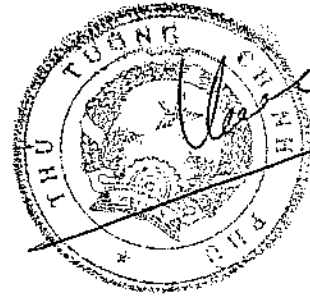
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, các tập thể và các cá nhân có tên trong Danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: PCN Phạm Việt Muôn,
Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3 b). Hào, 10 b.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số 194 /SY-BNN-TCCB

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2012

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu TĐKT-TCCB

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Nam

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐƯỢC TẶNG
BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(*Kèm theo Quyết định số: 1573/QĐ-TTg*
ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

I. TẬP THỂ

1. Ban Quản lý Trung ương Dự án Khoa học công nghệ Nông nghiệp, Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 2. Ban Quản lý Dự án Trung ương, Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung, Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 3. Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 4. Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 5. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
- Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2009 đến năm 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

II. CÁ NHÂN

1. Bà Ngô Thị Trâm, Phó Trưởng phòng, Phòng Tổ chức - Hành chính, Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
2. Ông Cao Tuấn Minh, Phó Trưởng ban, Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
3. Ông Đinh Văn Linh, Phó Trưởng phòng, Phòng Thẩm định chế độ, dự toán, Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

4. Ông Giang Thanh Ánh, Phó Trưởng phòng, Phòng Tài chính - Kế toán, Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

5. Ông Nguyễn Mạnh Ngọc, Phó Giám đốc, Dự án ADB6, Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

6. Ông Nguyễn Phùng Minh, Phó Trưởng phòng, Phòng Tổ chức - Hành chính, Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

7. Ông Cao Ngọc Tấn, Trưởng phòng, Phòng Tổ chức - Hành chính, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

8. Ông Ngô Thông, Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2007 đến năm 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc./.

Số: 2258/QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng thưởng Bằng khen

| | |
|--------------|---------|
| CÔNG VĂN ĐẾN | |
| Số: 2258 | |
| Ngày: 19/12 | |
| | S/O GỬI |
| GIÁM ĐỐC | |
| PHÓ GIÁM ĐỐC | |
| CÁC PHÒNG | |
| UP DỰ AN CH | |
| TRƯ | |

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi tại Tờ trình số 104/TTr-CPO-TCHC ngày 13/2/2012;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho 04 tập thể và 19 cá nhân thuộc Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi (có danh sách kèm theo)

Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2011.

Điều 2. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Bộ trưởng thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hoàng Văn Thắng

*Viết sau gửi
các cá nhân có
tên tại
TCHC liên hệ để
nhận BKH
12/12*

**DANH SÁCH CÁC TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG BẰNG KHEN CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Kèm theo Quyết định số 2258/QĐ-BNN-TCCB
ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THUỶ LỢI

Tập thể:

1. Phòng Môi trường, tái định cư;
2. Phòng Tài chính, Kế toán;
3. Ban Quản lý Dự án ADB6;
4. Ban Quản lý Dự án WB6.

Cá nhân:

1. Ông Phạm Đình Văn, Phó Trưởng Ban;
2. Ông Đặng Thế Lương, Phó Trưởng phòng, Phòng Tài chính, kế toán;
3. Bà Đoàn Thị Thu Thủy, Cán bộ Phòng Tài chính - kế toán;
4. Ông Lê Văn Lê, Cán bộ Phòng Tổ chức, hành chính;
5. Bà Hoàng Kim Chi, Cán bộ Phòng Tổ chức, hành chính;
6. Ông Dư Đình Tạo, Trưởng Phòng Kế hoạch, tổng hợp;
7. Ông Vũ Quang Dũng, Phó Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch, tổng hợp;
8. Ông Phạm Văn Ngọc, Phó Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch, tổng hợp;
9. Ông Nguyễn Đình Hậu, Phó Giám đốc Dự án WB6;
10. Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh, Phó Trưởng phòng, Phòng Thẩm định chế độ, dự toán;
11. Bà Nguyễn Thị Liễu, Cán bộ Phòng Thẩm định chế độ, dự toán;
12. Ông Lê Quang Hưng, Cán bộ Phòng Thẩm định chế độ, dự toán;
13. Bà Vũ Thị Kim Chung, Phó Trưởng phòng, Phòng Môi trường, tái định cư;
14. Ông Phùng Chí Dũng, Cán bộ Dự án ADB5;
15. Bà Đào Thu Hương, Cán bộ Dự án ADB5;
16. Ông Lại Cao Thắng, Cán bộ Dự án WB3;
17. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Cán bộ Dự án WB3;
18. Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Giám đốc Dự án WB4;
19. Ông Vũ Đình Xiêm, Phó Giám đốc Dự án RETA ./.

VKS

[Handwritten signature]



CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 1860 /QĐ-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2012

BAN THI ĐUA KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1598

Ngày 12 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng thưởng Huân chương Lao động

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số: 1727/TTr-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho:

- Ông Nguyễn Văn Tĩnh, Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ông Nguyễn Hồng Phương, Phó Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ông Vũ Đình Hùng, Phó Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ông Nguyễn Văn Sáu, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ông Lê Văn Lương, Phó Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn,

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến năm 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

| |
|----------------|
| THÀNH VIÊN BAN |
| CÔNG VĂN ĐẾN |
| Số: 10094 |
| Ngày: 11/12/12 |

| |
|--------------|
| CÔNG VĂN ĐẾN |
| Số: 2587 |
| Ngày: 19/12 |
| SAC GỬI |
| GIÁM ĐỐC |
| PHÓ GIÁM ĐỐC |
| C. PHÒNG |
| VP ĐƯA AN CV |
| TU |

*Văn thư báo
gửi có nhân có
tên tự D.Sau
- Tô chức đơn
nhân*

18

25/12

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /đ

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu VT, Vụ TĐKT (2).

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

Số: /SY

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày tháng năm 2012

TL. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Văn Vũ

Nơi nhận:

-
-
- Lưu VT (Bản chính)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số 211 /SL-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2012

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. BỘ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Nam

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu TĐKT-TCCB



CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 1860 /QĐ-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2012

BAN THI ĐUA KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1598.....

Ngày 12 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng thưởng Huân chương Lao động

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 10094.....
Ngày 11/12/2012 năm 1992;

Căn cứ Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;

Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số: 1727/TTr-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2012,

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2587.....
Ngày: 19/12.....
SAC SỬ:
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
C. PHÒNG
VP DỰ ÁN, CV:
TƯ

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho:

1. Ông Nguyễn Văn Tĩnh, Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
2. Ông Nguyễn Hồng Phương, Phó Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
3. Ông Vũ Đình Hùng, Phó Trưởng Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
4. Ông Nguyễn Văn Sáu, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
5. Ông Lê Văn Lương, Phó Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 5, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn,

Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2007 đến năm 2011, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

*Vấn thảo
giáo có nhân có
tên ty D S&S
- Tô chức tồn
nhân
12
25/12*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /p

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu VT, Vụ TĐKT (2).

BỘ NỘI VỤ
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
TRUNG ƯƠNG

Số: /SY

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày tháng năm 2012

TL. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Văn Vũ

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu VT (Bản chính)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Số 211 /SL-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2012

SAO LỤC

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu TĐKT-TCCB

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHỤ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 771/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2012

AAB4
Tết, Mỹ



QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1833/TTr-BNN-TCCB ngày 18 tháng 6 năm 2012 và của Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tại Tờ trình số 868/TTr-BTĐKT ngày 20 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho:

1. Ban Quản lý dự án thủy lợi miền Trung (ADB4), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ✓

2. Ban Quản lý tiểu dự án Thương Mỹ Trung, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Quảng Bình;

3. Ông Phạm Văn Hỷ, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán, Ban Quản lý Trung ương các Dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ✓

4. Ông Vũ Quang Dũng, Phó Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban Quản lý Trung ương các Dự án thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ✓

5. Ông Nguyễn Văn Bài, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Quảng Trị;

6. Ông Nguyễn Việt Xuân, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình,

Đã có nhiều thành tích trong việc thực hiện Dự án Thủy lợi miền Trung (ADB4) giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP; PCN Phạm Việt Muôn,
Cổng TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). Hào, 40 b.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC
NĂM 2011
(Kèm theo Quyết định số **703** /QĐ-BNN-TCCB
ngày **30** tháng **3** năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KHỐI: Ban Quản lý dự án (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi)
và các ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi khu vực

1. Ban Quản lý các dự án Nông nghiệp;
2. Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp;
3. Ban Quản lý các dự án Thủy lợi;
4. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2;
5. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3;
6. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4;
7. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 5;
8. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 6;
9. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7;
10. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8;
11. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 9;
12. Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 10. / 100

Số: **703** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận Danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP, ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 nghị định số 01/2008/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Khối các Ban Quản lý dự án (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi) và các Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi khu vực;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đơn vị đạt Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" năm 2011 cho 12 đơn vị thuộc Khối các Ban Quản lý dự án (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi) và các Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi khu vực (có Danh sách kèm theo).

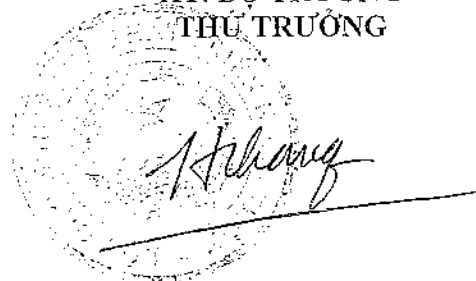
Điều 2. Tiền thưởng thực hiện theo Quyết định số 2713/QĐ-BNN-TC ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Khối các Ban Quản lý dự án (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi) và các Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi khu vực có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hoàng Văn Thắng